

Bản án số: 17/2020/HS-ST

Ngày: 12-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Thanh Nhàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 249/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1991 tại tỉnh Nghệ An; hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã C, huyện T, tỉnh N; tạm trú: Đường D, khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm: 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1991; có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/10/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Mai Công T, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh T; tạm trú: Đường D, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh B, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Cao Thành N, sinh năm 1995; hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh D, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1990; hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã C, huyện T, tỉnh N, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Xóm 7, xã X, huyện T, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Hoàng S và bị hại Mai Công T là bạn bè quen biết do làm cùng công ty với nhau.

Khoảng 09 giờ ngày 21/7/2019, S gọi điện thoại cho anh T hỏi mượn xe mô tô đi lấy hàng cho vợ là Nguyễn Thị Minh C tại thành phố Hồ Chí Minh, đến khoảng 13 giờ cùng ngày sẽ trả. Anh T đồng ý. Khoảng 15 phút sau, anh T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner màu xanh trắng, biển số 36C1-291.41 đến phòng trọ của S tại nhà trọ Huỳnh Văn Đ, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh D cho S mượn xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển số 36C1-291.41 đưa anh T về rồi quay lại phòng trọ của mình.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, S chuẩn bị đi thành phố H thì chị C gọi cho S nói không cần đi lấy hàng vì khách không lấy nữa. Cùng lúc này, S nhận được điện thoại của chủ nợ đòi tiền. S nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô của anh T lấy tiền trả nợ và gửi về quê cho vợ nên điều khiển xe mô tô biển số 36C1-291.41 đến tiệm cầm đồ Kim Q 2 của anh Cao Thành N tại đường D, khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh D để cầm cố. Do có quen biết trước đó và không biết xe mô tô biển số 36C1-291.41 do S chiếm đoạt được mà có nên anh N đã đồng ý cầm cố xe mô tô và đưa cho S số tiền 32.000.000 đồng. Số tiền có được, S trả nợ hết 10.000.000 đồng, gửi về quê cho chị C 20.000.000 đồng, còn lại S tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, anh T gọi điện thoại cho S thì S nói dối là xe mô tô đã bị Cảnh sát giao thông tạm giữ do vi phạm giao thông và hứa vài ngày sau sẽ đóng phạt và lấy xe trả cho anh T. Đến ngày 28/7/2019, S gọi điện thoại cho anh T nói S đã cầm cố xe mô tô biển số 36C1-291.41 tại tiệm cầm đồ Kim Q 2. Ngày 02/8/2019, anh T đến Công an phường T trình báo sự việc, Công an phường T lập hồ sơ chuyển cho Công an thị xã Bến Cát thụ lý theo thẩm quyền.

Vật chứng đã thu giữ gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda Winner màu xanh trắng biển số 36C1-291.41 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Hoàng S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản ngày 23/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 36C1-291.41 trị giá 27.860.000 đồng.

Ngày 08/8/2019, chị Nguyễn Thị L là chị ruột của bị cáo S đã thỏa thuận bồi thường cho anh Cao Thành N số tiền 32.000.000 đồng, anh N không có yêu cầu gì thêm.

Ngày 21/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát ra Quyết định xử lý vật chứng số 315/QĐ, trao trả xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 36C1-291.41 và Giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh Mai Công T. Anh T đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Hoàng S và không có yêu cầu gì khác.

Ngày 02/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát ra Quyết định xử phạt hành chính số 141/QĐ-XPHC-ĐTTH xử phạt Cao Thành N số tiền 3.500.000 đồng về hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy ủy quyền hợp lệ.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKSBC ngày 26/12/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng S về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phiên tranh luận tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Mai Công T vắng mặt tại phiên tòa, theo lời khai có trong hồ sơ vụ án: Bị hại đã nhận lại số tài sản bị mất, không có yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự và có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L và anh Cao Thành N vắng mặt tại phiên tòa. Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án: Anh Cao Thành N đã nhận lại đủ số tiền cầm cố xe mô tô biển số 61C1-291.41 và không có yêu cầu gì thêm. Chị L không có yêu cầu buộc bị cáo và vợ bị cáo là Nguyễn Thị Minh C trả lại số tiền đã thay bị cáo bồi thường cho anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng S đã khai nhận: Vào lúc 09 giờ, ngày 21/7/2019, tại nhà trọ Huỳnh Văn Đ, đường D, khu phố 3, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bị cáo S có hành vi mượn xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 36C1-291.41 của anh Mai Công T để đi công việc. Nhưng sau đó, do cần tiền để trả nợ, gửi về cho gia đình và tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã đem xe mô tô của anh T đi cầm cố tại tiệm cầm đồ của anh Cao Thành N được số tiền 32.000.000 đồng. Sau đó bị cáo gọi điện cho anh T nói dối xe đã bị Cảnh sát giao thông tạm giữ do vi phạm giao thông.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi lạm dụng sự tin tưởng để mượn tài sản của người khác rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật. Nhưng vì động cơ tư lợi, bản chất tham lam, lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải tốn công sức lao động nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả, thể hiện ý thức liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 36C1-291.41 của bị hại Mai Công T trị giá 27.860.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, bản Cáo trạng số 11/CT-VKSBC ngày 26/12/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng S về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bà nội là bà mẹ

Việt Nam anh hùng theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có con nhỏ, là lao động chính trong gia đình và có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà vẫn có thể giáo dục cho bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Đối với chị Nguyễn Thị Minh C, do không biết số tiền 20.000.000 đồng bị cáo S gửi là tiền S có được từ việc phạm tội nên đã nhận và tiêu xài hết. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với hành vi của chị C là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Mai Công T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Anh Cao Thành N đã nhận đủ số tiền đã đưa cho bị cáo để cầm cố xe mô tô và không yêu cầu gì thêm. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu bị cáo và vợ bị cáo là Nguyễn Thị Minh C trả lại số tiền đã bồi thường cho anh N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Winner màu xanh trắng biển số 36C1-291.41 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản của bị hại Mai Công T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã giao trả lại tài sản trên cho bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng S phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Hoàng S cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh D để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Hoàng S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tiến

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tiến

